Ngân Hàng KASIKORN
开泰银行 KASIKORNBANK

NGÂN HÀNG ĐẠI CHÚNG TNHH KASIKORNBANK

– CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

12/2022

MỤC LỤC

1. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn 3
2. Cơ cấu vốn tự có 3
3. Tỷ lệ an toàn vốn 4
4. Rủi ro tín dụng 5
5. Rủi ro hoạt động 9
6. Rủi ro thị trường 11

1. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn

Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. Hồ Chi Minh (KBank HCMC) công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Các khoản mục công bố được thực hiện phù hợp theo quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Tại thời điểm 31/12/2022, KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh không có công ty con cũng như không có công ty liên kết; do đó, việc tính toán tỷ lệ an toàn vốn là tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Cơ cấu vốn tự có

Tại thời điểm 31/12/2022, vốn tự có của KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh chủ yếu là vốn góp từ KBank với tư cách ngân hàng mẹ và không có bất kỳ công cụ tài chính nào như nợ thứ cấp. Bảng dưới đây trình bày các cấu phần của vốn tự có:

Bảng 1 – Cơ cấu vốn tự có

Đơn vị tính: Triệu VND

	Thông tin vốn tự có	Giá trị tại 31/12/2022
1	Vốn cấp 1	1.811.600
2	Vốn cấp 2	12.113
3	Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có	98.156
	Tổng vốn tự có = (1) + (2) – (3)	1.725.557

3. Tỷ lệ an toàn vốn

3.1. Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn

KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã xây dựng quy trình vận hành tiêu chuẩn để tính toán tỷ lệ an toàn vốn từ thu thập số liệu, tính toán, rà soát đến báo cáo với sự hỗ trợ của ngân hàng mẹ KBank. Quy trình tiêu chuẩn này đảm bảo rằng dữ liệu được tính toán một cách chính xác.

3.2. Kế hoạch vốn để đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn

KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh quản lý tỷ lệ an toàn vốn thông qua quản lý vốn và RWA một cách linh hoạt, đồng thời kiểm soát cả vốn và RWA sao cho phù hợp với chiến lược và tăng trưởng kinh doanh của Chi nhánh nhằm duy trì tỷ lệ an toàn vốn trên mức yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV). Ngoài ra, chi nhánh cũng tiến hành dự phóng vốn trong tương lai để đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh bình thường.

Thông tin chi tiết tỷ lệ an toàn vốn của KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm 31/12/2022 như sau:

Bảng 2 – Tỷ lệ an toàn vốn, tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng và vốn yêu cầu cho từng loại rủi ro

Đơn vị tính: triệu VND

	Tại 31/12/2022	
Khoản mục	**Vốn yêu cầu**	**Tài sản có điều chỉnh rủi ro (RWA)**
Rủi ro tín dụng		4.492.974
Rủi ro tín dụng đối tác		19.370
Rủi ro thị trường	296	3.700
Rủi ro hoạt động	37.879	473.484
Tổng giá trị tài sản có rủi ro		4.989.528

Các tỷ lệ vốn	
Tỷ lệ vốn cấp 1	34,34%
Tỷ lệ an toàn vốn	34,58%

4. Rủi ro tín dụng

4.1. Nội dung định tính

Rủi ro tín dụng là rủi ro theo đó một bên đối tác hoặc bên đi vay không tuân theo hoặc có ý định không tuân theo các nghĩa vụ hoặc thỏa thuận trong hợp đồng, dẫn đến thiệt hại. Do đó, KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh coi trọng việc quản lý rủi ro tín dụng phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững và lợi nhuận hợp lý cho các cổ đông và nhà đầu tư.

KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã ban hành chính sách tín dụng và các thủ tục liên quan phù hợp với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. Chi nhánh thực hiện quản lý rủi ro tín dụng trong suốt quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt và quản lý tín dụng. Chiến lược của Chi nhánh là tập trung vào quản lý rủi ro chủ động, bám sát tình hình hình diễn biến của các yếu tố kinh tế vĩ mô đến từng khách hàng nhằm quản lý rủi ro tín dụng kịp thời và hiệu quả. Chi nhánh cũng xây dựng các công cụ xếp hạng rủi ro tín dụng phù hợp để theo dõi, đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng cũng như đảm bảo hiệu quả công tác quản lý rủi ro tín dụng. Xếp hạng tín nhiệm cũng được áp dụng trong suốt quá trình cấp tín dụng, bao gồm quá trình phê duyệt, định giá cho vay trên cơ sở rủi ro và trích lập dự phòng.

Bên cạnh đó, KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh sẽ kiểm soát các trạng thái rủi ro, các giao dịch và hoạt động theo hạn mức rủi ro của chi nhánh và xử lý rủi ro kịp thời để đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro.

Để tính toán tỷ lệ an toàn vốn, chi nhánh sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm của các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập như Moody's, S&P và Fitch rating để xác định hệ số rủi ro tín dụng. Tại thời điểm 31/12/2022, Chi nhánh không ghi nhận bất kỳ loại giảm thiểu rủi ro tín dụng nào trong việc tính toán giá trị tài sản có rủi ro.

4.2. Nội dung định lượng

- Tài sản có rủi ro tính theo rủi ro tín dụng và rủi ro tín dụng đối tác, trong đó chia theo đối tượng có hệ số rủi ro quy định tại Điều 9 Thông tư 41:

Bảng 3 – RWA đối với rủi ro tín dụng tương ứng với xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập

Đơn vị tính: triệu VND

Khoản phải đòi	Thứ hạng tín nhiệm	Hệ số rủi ro tín dụng	RWA
Tổ chức tín dụng nước ngoài	AAA đến AA-	20%	70.816
	A+ đến A-	50%	225.545
	BBB+ đến BBB-	50%	1.077.272
	BB+ đến BB-	100%	-
	B+ đến B-	100%	-
	Dưới B-	150%	-
Tổ chức tín dụng trong nước (Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu dưới 3 tháng)	AAA đến AA-	10%	-
	A+ đến A-	20%	-
	BBB+ đến BBB-	20%	-
	BB+ đến BB-	40%	8.996
	B+ đến B-	50%	-
	Dưới B-	70%	-
Tổ chức tín dụng trong nước (Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên)	AAA đến AA-	20%	-
	A+ đến A-	50%	-
	BBB+ đến BBB-	50%	-
	BB+ đến BB-	80%	2.007
	B+ đến B-	100%	-
	Dưới B-	150%	-
Tổng			**1.384.636**

Bảng 4 – RWA đối với rủi ro tín dụng đối tác tương ứng với xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập

Đơn vị tính: triệu VND

Khoản phải đòi	Thứ hạng tín nhiệm	Hệ số rủi ro tín dụng	RWA
Tổ chức tín dụng nước ngoài	AAA đến AA-	20%	-
	A+ đến A-	50%	-
	BBB+ đến BBB-	50%	113
	BB+ đến BB-	100%	-
	B+ đến B-	100%	-
	Dưới B-	150%	-
Tổ chức tín dụng trong nước (Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu dưới 3 tháng)	AAA đến AA-	10%	-
	A+ đến A-	20%	-
	BBB+ đến BBB-	20%	-

Khoản phải đòi	Thứ hạng tín nhiệm	Hệ số rủi ro tín dụng	RWA
	BB+ đến BB-	40%	2.138
	B+ đến B-	50%	58
	Dưới B-	70%	-
Tổ chức tín dụng trong nước (Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên)	AAA đến AA-	20%	-
	A+ đến A-	50%	-
	BBB+ đến BBB-	50%	-
	BB+ đến BB-	80%	-
	B+ đến B-	100%	13.081
	Dưới B-	150%	-
Doanh nghiệp (không áp dụng xếp hạng)			3.980
Tổng			**19.370**

Table 5 – RWA phân theo loại tài sản

Đơn vị tính: triệu VND

Stt.	Loại tài sản	RWA rủi ro tín dụng	RWA rủi ro tín dụng đối tác	Tổng RWA
1	Khoản phải đòi Chính phủ	-	-	-
2	Khoản phải đòi Định chế tài chính	1.384.636	15.390	1.400.026
3	Khoản phải đòi Doanh nghiệp	2.703.908	3.980	2.707.888
4	Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	-	-	-
5	Khoản cho vay thế chấp nhà ở	-	-	-
6	Khoản phải đòi Bán lẻ	88.952	-	88.952
7	Nợ Xấu	1.554	-	1.554
8	Các loại tài sản khác	313.923	-	313.923
Total		**4.492.974**	**19.370**	**4.512.344**

- Tài sản được điều chỉnh theo rủi ro đối với rủi ro tín dụng và rủi ro tín dụng đối tác, chia theo ngành;

Bảng 6 – RWA tính theo rủi ro tín dụng theo ngành nghề kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	Ngành	Tài sản có rủi ro
1	Công nghiệp chế biến	1.486.624
2	Hoạt động chuyên môn, khoa học và kỹ thuật	41.120
3	Xây dựng và bất động sản	333.739
4	Vận chuyển và lưu trữ	3.756
5	Cung cấp nước; Hoạt động quản lý và xử lý chất thải, nước thải	17.146
6	Thương mại bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa xe mô tô, ô tô và xe có động cơ khác	821.524
7	Cá nhân	90.506
8	Tài chính và ngân hàng	1.384.636
9	Tài sản khác	313.923
Tổng cộng		**4.492.974**

Bảng 7 – RWA tính theo rủi ro tín dụng đối tác theo ngành nghề kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu VND

Stt.	Ngành	RWA
1	Hoạt Động Bất Động Sản	3.980
2	Tài chính và ngân hàng	15.390
Tổng cộng		19.370

- Tài sản được điều chỉnh theo rủi ro đối với rủi ro tín dụng, bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng và tác dụng giảm thiểu rủi ro tín dụng theo Điều 11 Thông tư 41.

Tại thời điểm 31/12/2022, chi nhánh sử dụng tiền gửi có kỳ hạn làm giảm thiểu rủi ro tín dụng để tính toán tài sản có rủi ro, số dư Nội bảng được bù trừ như sau.

Bảng 8 – Giảm thiểu rủi ro tín dụng

Đơn vị :triệu VND

Giảm thiểu rủi ro tín dụng	Số tiền
Tài sản thế chấp	-
Bù trừ số dư nội bảng	249.016
Bảo lãnh của bên thứ 3	-
Sản phẩm phái sinh tín dụng	-
Tổng cộng	**249.016**

5. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động được định nghĩa là rủi ro gây ra các tổn thất trực tiếp hoặc gián tiếp tới doanh thu hoặc vốn của ngân hàng do nguyên nhân liên quan đến con người, thiếu sót/ sai sót của quy trình, hệ thống nội bộ, hoặc do ảnh hưởng của các sự kiện bên ngoài. KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã xây dựng các chính sách quản lý rủi ro hoạt động phù hợp với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm hai phần chính như sau:

- Chính sách quản lý rủi ro hoạt động
- Chính sách quản lý kinh doanh liên tục (giải quyết những trường hợp xảy ra khủng hoảng đột ngột - BCM)

KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh áp dụng khung quản lý rủi ro toàn diện, trong đó rủi ro hoạt động được kiểm soát theo khẩu vị rủi ro và tất cả nhân viên đều nhận thức cũng như chịu trách nhiệm đối với quản lý rủi ro hoạt động theo văn hóa tổ chức trên toàn KBank. KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tuân theo khái niệm khung quản lý rủi ro hoạt động minh bạch và hiệu quả trên toàn KBank như sau:

- Cơ chế 3 tuyến phòng thủ: Quy định rõ ràng và chuyên môn hóa vai trò cũng như trách nhiệm theo các nguyên tắc kiểm soát nội bộ trong tổ chức.

- Khung quản lý rủi ro hoạt động: Đảm bảo sản phẩm hoặc dịch vụ tung ra thị trường ở mức độ chấp nhận được và phù hợp với thông lệ thị trường.

Bảng 9 – Vốn yêu cầu và RWA cho rủi ro hoạt động

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	Chỉ số kinh doanh (BI)	Quy theo năm (*)	Vốn yêu cầu (**)	RWA (***)
1	IC	99.556	14.933	186.668
2	SC	124.643	18.697	233.707
3	FC	28.325	4.249	53.109
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động		**252.524**	**37,879**	**473.484**

IC: Giá trị tuyệt đối của Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự trừ Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự.

SC: Tổng giá trị của Thu nhập từ hoạt động dịch vụ, Chi phí từ hoạt động dịch vụ, Thu nhập hoạt động khác, Chi phí hoạt động khác.

FC: Tổng giá trị tuyệt đối Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, mua bán chứng khoán kinh doanh và mua bán chứng khoán đầu tư.

(*) Giá trị quy theo năm của năm 2022

(**) Vốn điều lệ sử dụng hệ số 15%

(***) Tài sản có rủi ro sử dụng hệ số 12.5

6. Rủi ro thị trường

6.1. Nội dung định tính

Rủi ro thị trường phát sinh từ những thay đổi trong lãi suất, tỷ giá, giá cổ phiếu, giá hàng hóa hay chênh lệch tín dụng. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đến thu nhập hiện tại và tương lai, vốn, giá trị của các tài sản và nợ phải trả tài chính cũng như các khoản mục ngoại bảng. Theo cơ cấu hoạt động kinh doanh hiện tại, KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh chỉ chịu rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá.

Chính sách quản lý rủi ro thị trường của KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được xây dựng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phải được rà soát lại tối thiểu một năm một lần. Mục tiêu chủ yếu của chính sách là trở thành kim chỉ nam hoạt động cho tất cả các bên liên quan trong khung quản trị rủi ro của Chi nhánh. Đồng thời, chính sách quản lý rủi ro thị trường cũng giúp xác định và phân tách các giao dịch của ngân hàng thuộc sổ kinh doanh hay sổ ngân hàng. Chiến lược chính của sổ kinh doanh là hỗ trợ nhu cầu của khách hàng chứ không phải nhằm mục đích tự doanh.

KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đảm bảo thực hiện đúng quy trình quản lý rủi ro bao gồm nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi & kiểm soát rủi ro và báo cáo rủi ro; đồng thời xem xét cả các yếu tố bên ngoài và bên trong, định tính và định lượng. Quá trình này được thực hiện bởi các đơn vị rủi ro, độc lập với các đơn vị kinh doanh để đảm bảo tách biệt các nhiệm vụ.

KBank chi nhánh TP. Hồ Chí Minh chỉ thực hiện mua bán ngoại hối với kỳ hạn dưới 1 năm, bao gồm các giao dịch FX today (T+0), tomorrow (T+1), giao ngay (giao ngay, T+2), kỳ hạn (forward) và hoán đổi (swap).

6.2. Nội dung định lượng

Bảng 10 – Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	Loại rủi ro	Vốn yêu cầu	Ghi chú
1	Rủi ro lãi suất	296	
2	Rủi ro giá cổ phiếu	0	Chi nhánh ngân hàng không có trạng thái chịu rủi ro giá cổ phiếu
3	Rủi ro ngoại hối	0	NOP nhỏ hơn 2% vốn tự có của Chi nhánh, do đó không áp dụng tính vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối
4	Rủi ro giá hàng hóa	0	Chi nhánh ngân hàng không có trạng thái chịu rủi ro giá hàng hóa
5	Rủi ro quyền chọn	0	Chi nhánh ngân hàng không có trạng thái chịu rủi ro quyền chọn
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường		**296**	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG ĐẠI CHÚNG TNHH KASIKORNBANK

CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

NGÂN HÀNG ĐẠI CHÚNG TNHH KASIKORNBANK CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHATUPORN BOOZAYA-ANGOOL